TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Số: 64/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31/12/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Duy Hiếu;
2. Ông Hồ Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa*:** Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 310/2020/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2020 về: *"Tranh chấp ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXX- DS ngày 18 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Néang Vung S, sinh năm: 2000; địa chỉ cư trú: Tổ 15, ấp PA, xã ÔL, huyện TT, An Giang;

Bị đơn: Ông Chau Sư, sinh năm: 1996; địa chỉ cư trú: Tổ 15, ấp PA, xã ÔL, huyện TT, An Giang.

(Tại phiên tòa, bà Néang Vung S có mặt; ông Chau Sư vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/10//2020 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, bà Néang Vung S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông Chau Sư được hình thành là do tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 2017. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã ÔL, huyện TT, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11 ngày 21/01/2019. Cuộc sống chung hạnh phúc đến tháng 03/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Chau Sư tự động bỏ nhà lên thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân, từ đó ông không quan tâm đến bà, không gửi tiền cho bà tiêu xài, được khoảng thời gian thì ông điện thoại về báo rằng ông có quen biết với người phụ nữ khác và tuyên bố không chung sống với bà nữa, bà có

khuyên ngăn để ông về chung sống lại nhưng không thành và hai người ly thân nhau kể từ đó, trong thời gian ly thân gia đình hai bên bỏ mặt không đứng ra hàn gắn vì xét không thể đoàn tụ lại được. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông Sư.

Về quan hệ con chung: Bà với ông Sư có 01 con chung tên Chau Sưa Sa R, sinh ngày 22/4/2018, hiện đang do bà nuôi. Khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi và không yêu cầu ông Sư phải cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung: Bà với ông Sư không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Bà với ông Sư không có nợ chung.

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho ông Chau Sư để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, bà Néang Vung S bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông Chau Sư đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng ông vẫn vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Bà Sa – ông Sư chung sống có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông Sư tự động bỏ nhà lên thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân, từ đó ông không quan tâm đến bà…nên bà S xin ly hôn là có căn cứ. Về con chung Chau Sưa Sa R hiện do bà S nuôi, bà S có việc làm và thu nhập, nên giao cháu R cho bà S tiếp tục nuôi, công nhận tự nguyện của bà S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bà Néang Vung S khởi kiện: "Tranh chấp ly hôn" với ông Chau Sư, là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Sư có địa chỉ cư trú tại xã ÔL, huyện TT, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Ông Sư được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà S - ông Sư kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2014, hôn nhân có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số số 11 ngày 21/11/2019, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà S bảo lưu ý kiến của mình, thể hiện do ông Chau Sư tự động bỏ nhà đi làm công nhân, rồi không quan tâm đến bà và điện thoại báo với bà rằng ông có quen biết với người phụ nữ khác…đòi chấm dứt hôn nhân với bà, bà với ông Sư ly thân đã lâu, gia đình hai bên bỏ mặt không đứng ra hàn gắn ...

Qua trình bày của bà S, mặc dù ông Chau Sư vắng mặt, nhưng tại các biên bản xác minh vào cùng ngày 09/11/2020 của Tòa án thể hiện: Vợ chồng bà S – ông Sư có mâu thuẫn từ hơn 01 năm nay, do ông Chau Sư đi làm công nhân, quen biết với người phụ nữ khác rồi bỏ bê bà S, không có trách nhiệm với vợ con…mặc dù bà S khuyên ngăn, nhưng ông không nghe và hai người ly thân nhau… khã năng hàn gắn để chung sống lại là không thể…

Với những chứng cứ thu thập vừa nêu, xét mâu thuẫn giữa bà S – ông Sư đã thật sự trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy cháu Chau Sưa Sa R từ sau khi sinh ra, cháu R do bà S nuôi, bà S có việc làm và thu nhập ổn định, xét để không xáo trộn về tâm sinh lý của cháu cũng như tạo điều kiện cho cháu R phát triển tốt về sau, HĐXX nghĩ nên giao cháu R cho bà S tiếp tục nuôi là hoàn toàn phù hợp.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho bà S biết: Trong thời gian nuôi con, bà S cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông Sư trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà S không yêu cầu nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Bà S khai không có tài sản chung, không có nợ chung. Tuy nhiên do ông Sư vắng mặt, nên HĐXX không xem xét và không đề cặp ở phần quyết định. Nếu sau này ông Sư có chứng cứ khác chứng minh có tài sản chung và có nợ chung và ông Sư có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí*: Bà S là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Néang Vung S.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Néang Vung S được ly hôn với ông Chau Sư.

Về quan hệ con chung: Bà Néang Vung S được tiếp tục nuôi con chung tên Chau Sưa Sa R, sinh ngày 22/4/2018.

Công nhận tự nguyện của bà Néang Vung S không yêu cầu ông Chau S cấp dưỡng nuôi con.

Bà S cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông Sư trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Bà Néang Vung S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000404 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT (*bà S nộp đủ*).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/12/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- UBND xã ÔL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ